

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2023/DS-PT

Ngày 01-12-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ

Các Thẩm phán:

Ông Cao Xuân Long

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 212/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 211/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 37/2023/QĐ-TA ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: A T, khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Đình D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Vũ Đình D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Vũ Đình D là bạn học nên bà có cho ông D vay tiền. Cụ thể, vào tháng 12-2021 bà cho ông D vay 2.300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/01 tháng, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Đến tháng 09-2022, ông D đã trả cho bà nhiều lần với tổng số gốc là 1.700.000.000 đồng. Ông D cũng có trả lãi cho bà nhưng bà không nhớ số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, trả trên số tiền nợ gốc nào và trả từ ngày nào đến ngày nào.

Đến ngày 06-10-2022, bà và ông D ngồi lại để chốt nợ theo “Giấy ghi nợ” ngày 06-10-2022. Giấy này do ông D viết và ký tên, theo đó ông D còn nợ bà số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi là 246.400.000 đồng.

Khi bà cho ông D vay tiền thì hai bên không thể chấp tài sản gì. Số tiền bà cho ông D vay là tiền riêng của bà. Bà đã ly hôn với ông Nguyễn Văn L1 vào tháng 04-2022. Việc ông D vay tiền bà cũng là vay cho cá nhân ông D vì bà được biết tại thời điểm ông D vay tiền của bà thì ông D cũng đã ly hôn vợ, mục đích ông D vay là để mua bất động sản. Số tiền lãi 246.400.000 đồng là do ông D tính, bà không rõ ông D tính như thế nào, từ thời gian nào đến thời gian nào, trên số tiền nợ gốc nào.

Đến tháng 09-2022, ông D đã trả tiền lãi đều đặn hàng tháng là 4%/2,3 tỷ đồng. Từ ngày 19-9-2022, ông D không trả lãi nữa và viết “Giấy ghi nhận nợ” ngày 06-10-2022. Khi trả lãi hai bên không làm giấy tờ gì, các giấy tờ liên quan đến việc cho vay số tiền 2,3 tỷ đồng và việc trả tiền gốc 1.700.000.000 đồng thì sau khi trả nợ đến đâu bà và ông D đã xé bỏ giấy ghi nợ đến đó. Ngoài giấy “Giấy ghi nhận nợ” ngày 06-10-2022, bà và ông D cũng không còn giấy tờ ghi nhận nợ nào khác.

Đối với các phiếu ủy nhiệm chi mà ông D cung cấp cho Tòa án là đúng, ông D đã trả số tiền này cho bà. Nhưng vấn đề này đã được bà và ông D thống nhất trước ngày 06-10-2022. Đến ngày 06-10-2022, bà và ông D ngồi lại chốt số nợ và ông D viết giấy ghi nhận nợ trên. Sau ngày 06-10-2022, ông D có chuyển trả cho bà T 01 lần nợ gốc 50.000.000 đồng vào ngày 02-11-2022 và 03 lần tiền lãi (từ ngày 16-01-2023 đến ngày 04-3-2023) với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Số tiền này là tiền lãi trên số nợ gốc 600.000.000 đồng. Mặc dù thỏa thuận lãi suất là 4%/01 tháng nhưng do lúc này ông D gặp khó khăn nên ông D có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu bà T vẫn đồng ý. Việc ông D cho rằng ông D trả dư cho bà T số tiền nợ gốc là 83.000.000 đồng và yêu cầu bà T trả lại số tiền này, bà T không đồng ý vì bà T không nhận số tiền gốc 83.000.000 đồng như ông D trình bày.

Nay, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông D trả cho bà T 550.000.000 đồng tiền gốc, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc và 246.400.000 đồng tiền lãi theo giấy ghi nợ ngày 06-10-2022, việc xin rút yêu cầu này của bà T là hoàn toàn tự nguyện.

- Bị đơn ông Vũ Đình D trình bày:

Ông và bà T là bạn học nên ông có vay tiền của bà T, cụ thể như sau:

- Ngày 30-12-2021, ông mượn của bà T 300.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, mượn tạm trong thời gian ngắn, không thể chấp tài sản gì, không ai chứng kiến. Do không thỏa thuận lãi suất nên ông không trả tiền lãi cho bà T. Ông D đã trả số tiền gốc này cho bà T thành nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản vào tk của bà T số: 6002205173004 tại A, cụ thể:

Stt	Ngày trả tiền	Hình thức trả tiền	Số tiền (VND)
1	24/01/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	9.000.000
2	11/02/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	18.000.000
3	7/3/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	87.000.000
4	15/3/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	42.000.000
5	30/3/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	35.000.000
6	15/4/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	42.000.000
7	11/5/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	139.000.000

Tổng số tiền đã trả là 372.000.000 đồng. Lý do mượn 300.000.000 đồng nhưng trả 372.000.000 đồng là ông D trả dư để trả tiếp cho đợt mượn sau đó.

- Ngày 23-01-2022, ông mượn của bà T 1.150.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, mượn tạm trong thời gian ngắn, không thể chấp tài sản gì, không ai chứng kiến. Do không thỏa thuận lãi suất nên ông không trả tiền lãi cho bà T. Ông đã trả số tiền gốc này cho bà T thành nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản vào tk của bà T số: 6002205173004 tại A, cụ thể:

Stt	Ngày trả tiền	Hình thức trả tiền	Số tiền (VND)
1	11/5/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	72.000.000 (dư của đợt ngày 11/5/2022)
2	16/05/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	42.000.000
3	8/6/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	42.000.000
4	15/06/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	45.000.000

5	30/06/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	50.000.000
6	22/07/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	42.000.000
7	22/08/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	300.000.000
8	26/8/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	400.000.000
9	29/08/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	450.000.000

Tổng số tiền đã trả là 1.443.000.000 đồng, dư 293.000.000 đồng là để trả cho đợt mượn ngày 15-02-2022.

- Ngày 15-02-2022, ông mượn của bà T 700.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, mượn tạm trong thời gian ngắn, không thể chấp tài sản gì, không ai chứng kiến. Do không thỏa thuận lãi suất nên ông không trả tiền lãi cho bà T. Ông đã trả số tiền gốc này cho bà T thành nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản vào tk của bà T số: 6002205173004 tại A, cụ thể:

Stt	Ngày trả tiền	Hình thức trả tiền	Số tiền (VND)
2	19/9/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	400.000.000
3	2/11/2022	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	50.000.000
4	16/01/2023	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	20.000.000
5	17/02/2023	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	10.000.000
6	04/3/2023	Chuyển khoản vào số tk của bà T số: 6002205173004 tại A bank X	10.000.000

Cộng với lần trả dư trước 293.000.000 đồng thành số tiền 783.000.000 đồng.

Lần trả này dư số tiền 83.000.000 đồng. Do ông không kiểm tra nên chuyển bị dư tiền. Đây là tiền gốc, chứ tất cả các lần trả tiền ông không trả số tiền lãi nào cho bà T. Số tiền dư này ông đề nghị bà T trả lại cho ông. Sở dĩ các phiếu ông chuyển tiền cho bà T có nội dung như “GUI T TIEN LAI”; TIEN LOI KHOAN 700 TRIEU”, “TRA MOT PHAN LAI CHO T” ... là do bà T ép ông phải trả tiền lãi nên ông phải ghi như vậy. Việc bà T ép ông trả lãi ông không có chứng cứ gì chứng minh. Giấy ghi nhận nợ ngày 06-10-2022 là do ông viết và ký, bà T tự tính toán và bắt ép ông phải ghi như vậy, việc này ông không có chứng cứ gì chứng minh.

Tất cả các khoản lãi 6%/tháng là do bà T yêu cầu chứ ông không đồng ý với mức lãi suất này nên ông chưa trả số tiền lãi nào theo yêu cầu của bà T. Tại văn bản ghi ngày 11-7-2023 có nội dung “Đề nghị Quý tòa xem xét và chuyển cơ quan

điều tra để truy tố trách nhiệm hình sự dấu hiệu cho vay nặng lãi của bà T vì ông D được biết ngoài ông D, bà T còn cho rất nhiều người khác vay với lãi suất vi phạm quy định của pháp luật”, nay ông không yêu cầu Tòa án truy tố việc bà T cho vay nặng lãi đối với ông, vì ông không trả lãi 6%/01 tháng cho bà T. Ông chỉ thấy có dấu hiệu tội phạm nên ông D tố giác, vấn đề này ông nghe người khác nói chứ ông không có chứng cứ gì.

Nay bà T có yêu cầu Tòa án buộc ông trả cho bà T số tiền 600.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi thì ông không đồng ý vì ông đã trả hết tiền gốc cho bà T như đã trình bày trên. Ông D yêu cầu bà T trả lại cho ông 83.000.000 đồng tiền gốc đã trả dư.

Tại bản án sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Vũ Đình D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Vũ Đình D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện mà bà Trần Thị T đã rút đối với số tiền lãi 246.400.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền gốc.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22-7-2023, bị đơn ông Vũ Đình D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc bà T trả cho ông D số tiền 83.000.000 đồng ông D đã trả dư cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Văn L1 xác nhận toàn bộ khoản tiền 2.300.000.000 đồng bà T cho ông D vay là tài sản riêng của bà T, không phải là tài sản chung của ông và bà T trong thời kỳ hôn nhân. Ông L1 đồng ý với ý kiến, yêu cầu của bà T và không có yêu gì trong vụ án này.

Sau khi Hội đồng xét xử giải thích pháp luật và hòa giải, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Ông Vũ Đình D xác nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Bà Trần Thị T đồng ý nhận số tiền nợ gốc 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng trên và không yêu cầu ông Vũ Đình D trả thêm khoản tiền nợ gốc hoặc tiền lãi nào khác.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ thanh toán chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Vũ Đình D nộp 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số 18.700.000 (mười tám triệu, bảy trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011753 ngày 24-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Đình D nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Đình D nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Vũ Đình D:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn ông Vũ Đình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như trên. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, như sau:

1. Ông Vũ Đình D xác nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Bà Trần Thị T đồng ý nhận số tiền nợ gốc 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng trên và không yêu cầu ông Vũ Đình D trả thêm khoản tiền nợ gốc hoặc tiền lãi nào khác.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ thanh toán chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Đình D phải nộp 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số 18.700.000 (mười tám triệu, bảy trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011753 ngày 24-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vũ Đình D phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005325 ngày 02-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện mà bà Trần Thị T đã rút đối với số tiền lãi 246.400.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền gốc.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (01-12-2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H. X, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. X, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. X, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Vỹ

